

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC NINH TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

ThS. Khổng Văn Thắng*

Tóm tắt:

Công nghiệp tỉnh Bắc Ninh trong những năm gần đây đã đạt tốc độ tăng trưởng nhanh, chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ đang diễn ra mạnh mẽ theo xu hướng tích cực. Tuy nhiên, chất lượng phát triển công nghiệp của tỉnh chưa cao; vì vậy, việc đánh giá những thành tựu và hạn chế của quá trình phát triển công nghiệp để đưa ra những giải pháp hợp lý nhằm thúc đẩy công nghiệp tỉnh Bắc Ninh phát triển nhanh mạnh, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cần thiết.

1. Đặt vấn đề

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XVIII Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh về phân đấu đến năm 2015 tỉnh Bắc Ninh cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp, hàng loạt các khu công nghiệp tập trung và cụm công nghiệp làng nghề đã hình thành, thu hút trên 700 dự án trong và ngoài nước đến đầu tư. Vì thế, sản xuất công nghiệp tỉnh Bắc Ninh đã có bước nhảy vọt với tốc độ tăng trưởng nhanh chóng trong thời gian gần đây, giúp tỉnh Bắc Ninh trở thành một trong những tỉnh dẫn đầu cả nước về tốc độ phát triển kinh tế với mức tăng trưởng bình quân GRDP trên 15,7%/năm. Có được những thành tựu đáng khích lệ đó trước hết là nhờ sự năng động, sáng tạo và tư duy đổi mới, tạo nên sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhờ vậy, tỷ trọng ngành công nghiệp của tỉnh chiếm trong tổng GRDP tăng từ 65,87% năm 2012 lên 73,01% năm 2016. Tuy nhiên, về cơ bản công nghiệp tỉnh Bắc Ninh phát triển chủ yếu theo chiều rộng, giá trị gia tăng thấp, sự phát triển và

phân bố công nghiệp còn mất cân đối giữa các vùng trong tỉnh. Vì vậy cần nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng các nguồn lực phát triển công nghiệp nhằm phát huy những thành tựu, đồng thời khắc phục khó khăn, tồn tại để công nghiệp tỉnh Bắc Ninh phát triển có hiệu quả ngày càng cao cả về kinh tế, xã hội và môi trường.

2. Thực trạng phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Ninh

Hiện tại Bắc Ninh có 16 Khu công nghiệp (KCN), với tổng diện tích 6.397,68 ha. Trong đó 13 KCN được cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 16 dự án hạ tầng KCN với tổng diện tích quy hoạch 5.111,5 ha và diện tích đất công nghiệp cho thuê là 3.476,41 ha. 9 KCN đã đi vào hoạt động với diện tích quy hoạch 2.872,98 ha, diện tích đất công nghiệp cho thuê là 2.017,61 ha, đã cho thuê 1.415,87 ha đất công nghiệp. Tỷ lệ lấp đầy trên diện tích đất quy hoạch đạt 70,18%, trên diện tích đất thu hồi 82,73%. Vì thế, trong những năm gần đây, công nghiệp tỉnh Bắc Ninh đã thu hút mạnh vốn đầu tư trong và ngoài nước, nên đạt được nhiều thành quả đáng kể.

* Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh

Về giá trị sản xuất công nghiệp (GTSX), (GTSX), từ năm 2012 đến năm 2016 GTSX công nghiệp tăng liên tục, từ 373.029 tỷ đồng lên 705.292 tỷ đồng, gấp 1,89 lần so với năm 2012. Tốc độ tăng trưởng bình quân GTSX công nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2012 - 2016 là 17,26% và là địa phương có GTSX công nghiệp đứng thứ 2 cả nước, sau Thành phố Hồ Chí Minh.

Về cơ cấu, ngành công nghiệp chế biến có tỷ trọng cao nhất, năm 2012 ngành này chiếm 99,8% GTSX toàn ngành công nghiệp, đến năm 2016 ngành này đã chiếm đến 99,88% GTSX toàn ngành. Sau đó là ngành công nghiệp sản xuất phân phối điện, khí đốt, sản xuất nước và xử lý rác thải năm 2012 chiếm 0,17%, đến năm 2016 giảm xuống còn 0,12%.

Bảng 1: Giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh Bắc Ninh phân theo thành phần kinh tế giai đoạn 2012 - 2016 (theo giá so sánh năm 2010)

Chỉ tiêu	Năm					Tốc độ phát triển bình quân giai đoạn 2012-2016 (%)
	2012	2013	2014	2015	2016	
Tổng số (tỷ đồng)	373.029	578.393	569.599	643.599	705.292	17.26
Khu vực nhà nước	2.104	2.464	2.740	3.065	3.859	16.37
Khu vực ngoài nhà nước	40.280	48.333	51.779	58.141	69.800	14.73
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	330.645	527.596	515.080	582.393	631.633	17.56

Nguồn: Niên giám Thông kê Bắc Ninh năm 1997 - 2016

Bảng 1 cho thấy giai đoạn 2012-2016 GTSX công nghiệp theo thành phần kinh tế có sự tăng trưởng nhanh ở cả ba khu vực, nhưng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ phát triển bình quân đạt cao nhất là tăng 17,56%/năm, tiếp đến là khu vực nhà nước tăng 16,37%/năm, riêng khu vực ngoài nhà nước có xu hướng tăng chậm nhất là 14,73%/năm, nguyên nhân chính là do kinh tế ngoài nhà nước quá nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu, sản phẩm đầu ra kém sức cạnh tranh và quản lý vẫn theo tư duy quy mô hộ gia đình.

Về kim ngạch xuất khẩu công nghiệp, giai đoạn 2012 - 2016 tỉnh Bắc Ninh duy trì được mức tăng trưởng cao về kim ngạch xuất khẩu công nghiệp, bình quân đạt 11,03%/năm ngang bằng mức tăng bình quân kim ngạch xuất khẩu của tỉnh (11,1%).

Năm 2016, giá trị xuất khẩu công nghiệp đạt 22.813 triệu USD, tăng 51,9% so với năm 2012. Thị trường xuất khẩu chủ yếu của công nghiệp tỉnh Bắc Ninh là Mỹ, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Kông, Trung Quốc, các thị trường này chiếm đến 65% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Năm 2016, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất chiếm 27,3%, tiếp đến là Đài Loan chiếm 7,8% và Hàn Quốc chiếm 6,7%.

Về hiệu quả sản xuất công nghiệp, được thể hiện chủ yếu qua năng suất lao động và đóng góp vào ngân sách Nhà nước. Năng suất lao động công nghiệp của tỉnh Bắc Ninh tăng nhanh, bình quân 1 lao động năm 2012 tạo ra 1.731,4 triệu đồng GTSX, đến năm 2016 đã đạt 2.462, triệu đồng/người về GTSX. Nộp ngân sách Nhà nước trên địa bàn liên tục tăng, bình quân giai đoạn

2012 - 2016 tăng 31,4%. Tổng thu ngân sách khoảng 9.444,4 tỷ đồng năm 2012 và tăng lên 16.835 tỷ đồng năm 2016, trong đó đóng góp của các doanh nghiệp công nghiệp tăng mạnh, nếu năm 2012 đạt 34,7% thì đến năm 2016 đạt 47,28% chiếm trong tổng nguồn thu ngân sách nhà nước.

Về cơ sở sản xuất công nghiệp, từ năm 2012 đến năm 2016 số cơ sở sản xuất công nghiệp của tỉnh tăng nhanh, năm 2012 có 35.939 cơ sở sản xuất công nghiệp, trong đó doanh nghiệp là 1135, đến năm 2016 con số này đã lên đến 36.692 cơ sở, tăng 2,1% so với năm 2012. Trong đó, phần lớn là cơ sở sản xuất thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến, cụ thể: Năm 2016 có 36.564 cơ sở sản xuất công nghiệp chế biến, chiếm 99,65% số cơ sở sản xuất công nghiệp của tỉnh. Số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp phân theo địa bàn huyện, thị xã năm 2016 tập trung chủ yếu ở thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, huyện Tiên Du và huyện Yên Phong, các đơn vị này chiếm 83,6% tổng số cơ sở sản xuất công nghiệp trong tỉnh.

Về lực lượng lao động công nghiệp, với 16 khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh đã thu hút lực lượng lao động, trong đó lao động công nghiệp của tỉnh tăng cao, giai đoạn 2012 - 2016 tăng từ 215.441 người lên 286.456 người (tăng 32,96%). Tỷ trọng lao động công nghiệp trong cơ cấu lao động của tỉnh cũng tăng lên. Lao động công nghiệp tỉnh Bắc Ninh chủ yếu là người ngoài tỉnh, lao động ngoài tỉnh ở các khu công nghiệp chiếm gần 67,22%. Vấn đề này đang gây nhiều khó khăn cho tỉnh Bắc Ninh về ổn định đội ngũ lao động, gây sức ép về nhà ở và cơ sở hạ tầng xã hội, ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn.

3. Một số giải pháp phát triển và phân bố công nghiệp ở tỉnh Bắc Ninh

Từ thực tiễn nêu trên, tác giả bài viết đề xuất một số giải pháp phát triển và phân bố công nghiệp tỉnh Bắc Ninh như sau:

- **Về vốn**: Tỉnh Bắc Ninh nên tăng thêm các khoản ngân sách hỗ trợ đầu tư vào các ngành công nghiệp trọng điểm của tỉnh, cho phép ban hành các cơ chế hấp dẫn (chủ yếu là thuế sử dụng đất, thuế thu nhập doanh nghiệp...) nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư. Đồng thời, cần xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao như: Điện tử, viễn thông, phần mềm...

- **Về công nghệ**: Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, tập trung đổi mới công nghệ và đưa nghiên cứu khoa học vào phục vụ sản xuất, trước hết là các ngành công nghiệp có thế mạnh. Tăng cường thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ nguồn, giảm các dự án công nghiệp có hàm lượng khoa học kỹ thuật thấp, thâm dụng lao động, gây ô nhiễm môi trường.

- **Về nguồn nhân lực**: Nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật. Cần tiếp tục đầu tư đồng bộ, nâng cấp một số trường dạy nghề hiện có, tiếp tục áp dụng chính sách thu hút nhân tài, chăm lo đời sống cho người lao động, tạo môi trường làm việc hiệu quả, có phương pháp hợp lý khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với doanh nghiệp. Xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ hạ tầng các khu công nghiệp gắn với các công trình phúc lợi xã hội, như: Nhà ở cho người lao động, trường học, công viên, chợ, nhà trẻ, trung tâm văn hoá thể thao, cơ sở chăm sóc sức khỏe cho người lao động, nhằm đảm bảo cho các khu công nghiệp phát triển bền vững, góp phần cải thiện môi trường đầu tư và hỗ trợ giải quyết khó

khăn cho các doanh nghiệp...

- *Về tổ chức lãnh thổ sản xuất công nghiệp:* Quy hoạch chi tiết các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ đô thị một cách phù hợp nhất. Nghiên cứu và lập quy hoạch các khu phân bố dân cư, nhà ở công nhân, dịch vụ công cộng, phục vụ cho phát triển khu, cụm công nghiệp. Tạo mối liên kết giữa các xí nghiệp công nghiệp trong tỉnh và tổ chức mối liên kết công nghiệp trong vùng, liên vùng. Đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, đặc biệt là phát triển giao thông vận tải. Có những chính sách ưu đãi nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư, thu hút nguồn nhân lực để phát triển công nghiệp lên các huyện ở phía Nam của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phân bố công nghiệp của tỉnh theo hướng hợp lý và hài hòa hơn.

- *Về môi trường:* Tiến hành đánh giá hiện trạng môi trường đối với toàn bộ các khu công nghiệp, các cơ sở sản xuất; di dời các cơ sở sản xuất ô nhiễm môi trường không thể khắc phục được ra khỏi các khu dân cư, thị xã và thị trấn. cấp phép đầu tư hướng vào các dự án “sạch”. Nên ưu tiên chọn những doanh nghiệp có công nghệ đến từ những nước phát triển có các chuẩn môi trường cao, nơi có quy định chặt chẽ về công tác môi trường; cấp phép cho các dự án doanh nghiệp có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, tập trung vào các ngành, lĩnh vực tạo ra các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, như công nghệ cao, cơ khí, công nghệ thông tin và truyền thông, dược, công nghiệp sinh học, công nghiệp môi trường và các ngành sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, vật liệu mới... Những doanh nghiệp công nghiệp tiết kiệm nhiên liệu, không sử dụng nhiều lao động giá rẻ cũng nên được ưu tiên... Hạn chế tối đa việc cấp phép cho

những lĩnh vực có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao như: Giấy, dệt nhuộm, xi măng, thép..., những dự án không phù hợp với quy hoạch phát triển của Việt Nam nói chung và tỉnh Bắc Ninh nói riêng, gây ảnh hưởng đến định hướng phát triển bền vững của tỉnh và đất nước.

4. Kết luận

Ngành công nghiệp tỉnh Bắc Ninh đang phát triển mạnh mẽ, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu GRDP, giữ vai trò chủ đạo, thúc đẩy các ngành khác phát triển, phát triển công nghiệp đã gắn với phát triển đô thị. Các ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật cao đã bắt đầu phát triển, chủ yếu trong các khu công nghiệp. GTSX công nghiệp ngày càng tăng lên đã hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu các ngành công nghiệp. Giá trị xuất khẩu của ngành công nghiệp chiếm giữ vị trí chủ đạo trong cơ cấu xuất khẩu của tỉnh. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là động lực chính trong quá trình phát triển công nghiệp của tỉnh Bắc Ninh. Tuy nhiên, sự phát triển công nghiệp còn bộc lộ một số hạn chế và đang phải đối mặt với những thách thức, như: Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp thấp, trình độ công nghệ chưa cao, lao động có trình độ chuyên môn cao còn thấp, chủ yếu là lao động ngoài tỉnh chưa được đào tạo cơ bản; tình trạng ô nhiễm môi trường do chậm xử lý chất thải công nghiệp (nước thải, khí thải, chất thải rắn...) cũng như việc phát triển công nghiệp chưa hợp lý giữa các vùng. Trong tương lai, công nghiệp tỉnh Bắc Ninh cần chú trọng phát triển các ngành có hàm lượng chất xám cao, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật cùng với các chính sách ưu đãi khác nhằm phân bố công nghiệp của tỉnh ngày càng hợp lý để đạt hiệu quả cao hơn.

(Xem tiếp trang 50)

Tiếp theo trang 40

Tài liệu tham khảo:

1. Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh, *Niên giám Thống kê từ năm 1997-2016*.
2. Khổng Văn Thắng, “Thực trạng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam”, *Tạp chí Đại học Cửu Long*, 1 (2006), 44-51.
3. Khổng Văn Thắng (2013), Đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu ở tỉnh Bắc Ninh, *Tạp chí khoa học đại học Huế*, (Số 8), tr.86 - 94.
4. Khổng Văn Thắng (2014), Kinh nghiệm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh thành phần: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Bắc Ninh, *Tạp chí Thông tin và Dự báo Kinh tế xã hội - Bộ Kế hoạch và Đầu tư*, (Số 98), tr.41-49.
5. Khổng Văn Thắng (2013), Để phát triển bền vững các khu công nghiệp tập trung ở tỉnh Bắc Ninh, *Tạp chí Lý luận chính trị, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh* (Số 9), tr.57-60.
6. Khổng Văn Thắng (2013), Sử dụng mô hình SWOT nhằm tìm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động xuất - nhập khẩu nghiên cứu trường hợp tỉnh Bắc Ninh, *Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ*, (Số 28), tr.45-53.